

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI ĐỐI VỚI DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH VỀ NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2025, Sở Tài chính đã tổ chức lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

1. Tổng số tổ chức, cá nhân đã gửi lấy ý kiến là 104, trong đó có 14 đơn vị gửi văn bản góp ý kiến trực tiếp (trong đó có 10 đơn vị thống nhất, 04 đơn vị có ý kiến góp ý), riêng các đơn vị còn lại chưa gửi văn bản xem như thống nhất với nội dung dự thảo.

2. Kết quả cụ thể như sau:

CHÍNH SÁCH HOẶC NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
A. Dự thảo Nghị quyết			
Căn cứ ban hành	Sở Nội vụ	Đề nghị rà soát, xem xét bỏ căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg và Công văn số 5302/BTC-NSNN. Lý do: Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.

		Công văn của Bộ Tài chính không phải là văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, nội dung ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Việc viện dẫn làm căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật là chưa phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
Căn cứ ban hành		Xem xét, chỉnh sửa trình bày căn cứ ban hành Nghị quyết theo quy định tại khoản 1 phần III mục 1 phụ lục I Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (1) “Căn cứ ban hành văn bản được trình bày ...; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, ...”.	Cơ quan dự thảo Nghị quyết đã trình bày căn cứ ban hành theo đúng theo quy định tại khoản 1 phần III mục 1 phụ lục I Nghị định số 187/2025/NĐ- CP.
		Rà soát, chỉnh sửa trình bày viện dẫn văn bản (<i>tiêu biểu ở khoản 1, khoản 6 và điểm k khoản 9 Điều 3; khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 4; ...</i>) đúng theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Cơ quan dự thảo xin giải trình như sau: - Khoản 1 Điều 3 và điểm k khoản 9 Điều 3: Cơ quan dự thảo viện dẫn theo đúng nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 3 và điểm n khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 NGÀY 07/02/2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/ UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. - Khoản 6 Điều 3: Cơ quan dự thảo viện dẫn, điều chỉnh các nội dung nhằm đảm

			bảo phù hợp với điểm c mục I phần II Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.
		Rà soát, chỉnh sửa trình bày điểm trong khoản theo quy định tại điểm b khoản 2 phần III mục 1 phụ lục I Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (<i>“Các điểm trong mỗi khoản dùng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau chữ cái có dấu đóng ngoặc đơn, ...”</i>), trong dự thảo trình bày chưa đúng, tiêu biểu như: Điểm f khoản 9 Điều 3.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
	Sở Tư pháp		
Về tên dự thảo		Đề nghị bổ sung cụm từ “tỉnh Cà Mau” hoặc “trên địa bàn tỉnh Cà Mau” cho rõ phạm vi. Đồng thời, đề nghị rà soát, điều chỉnh cho thống nhất trong toàn bộ văn bản.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
Về căn cứ ban hành		Tại căn cứ ban hành thứ 5: Đề nghị điều chỉnh thành “Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15” cho thống nhất cách trình bày.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
		Tại căn cứ thứ 7, thứ 8: Đề nghị bỏ để đảm bảo	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn

		phù hợp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	chỉnh lại dự thảo.
		Tại phần “Hội đồng nhân dân ban hành ...”: Đề nghị thay từ “địa phương” thành “địa phương” cho chính xác.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
Điều 1		Tại khoản 1: Đề nghị thay cụm từ “ngày 18/4/2026” thành cụm từ “ngày 18 tháng 4 năm 2026” cho rõ.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
		Tại điểm a khoản 2: Đề nghị bổ sung cụm từ “cấp tỉnh” vào sau cụm từ “ban, ngành” cho rõ, bổ sung từ “các” vào trước cụm từ “đơn vị”.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
		Tại điểm b khoản 2: Đề nghị bổ sung cụm từ “Các cơ quan, đơn vị và” vào trước cụm từ “tổ chức, cá nhân”; thay cụm từ “lập” thành cụm từ “xây dựng, lập thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện” cho đầy đủ.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
Tại Điều 2		Qua rà soát, nội dung cụ thể chỉ tính về định nghĩa và định nghĩa này đã được quy định tại Điều 2 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sự cần thiết quy định nội dung này.	Cơ quan dự thảo xin giải trình như sau: quy định tại Điều 2 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2026 - 2030 của cả nước, các cấp, các ngành.... Tại Điều 2 dự thảo được quy định cụ thể hóa đối với nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Cà Mau.
Điều 3		Đề nghị đánh giá sự cần thiết việc liệt kê vì các	Cơ quan soạn thảo xin giải trình như sau:

		nội dung này đã được quy định đầy đủ tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15, cơ quan soạn thảo có thể điều chỉnh theo hướng ghép với Điều 4 và đối với nội dung quy định nguyên tắc chung điều chỉnh theo hướng dẫn chiếu cho chặt chẽ. Trường hợp, cơ quan soạn thảo xác định cần thiết phải liệt kê cụ thể tại dự thảo đề nghị rà soát, bám sát nội dung quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 và các quy định có liên quan để quy định cho đầy đủ, thống nhất với quy định hiện hành	theo Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 là quy định nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện chung trên cả nước. Tuy nhiên, đối với tỉnh Cà Mau cần phải được cụ thể hóa các quy định, điều chỉnh nội dung nhằm đảm bảo phù hợp với nguồn vốn ngân sách địa phương.
		Tại khoản 2, khoản 3, khoản 4: Đề nghị rà soát, đối chiếu với quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 để điều chỉnh cho đầy đủ, thống nhất.	
		Tại khoản 5: Đề nghị xác định lại nội dung này là “nguyên tắc” hay là “mục tiêu” để điều chỉnh cho chặt chẽ.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
		Tại khoản 6: Đề nghị bám sát nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Mục II Chỉ thị số 16/CT-TTg và khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 để điều chỉnh cho đầy	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, điều chỉnh các nội dung nhằm đảm bảo phù hợp với điểm c mục I phần II Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính

		đủ, thống nhất.	phủ, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.
		Tại khoản 9: Đề nghị rà soát, bố cục lại thứ tự các điểm theo thứ tự bảng chữ cái Tiếng Việt.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
		Đề nghị rà soát, bổ sung “Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia”, “Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch” cho thống nhất với quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15; tại điểm d đề nghị rà soát, đối chiếu với quy định tại điểm đ, điểm g khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15.	Cơ quan dự thảo xin giải trình như sau: Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia thì Trung ương bố trí vốn để thực hiện Chương trình, địa phương có trách nhiệm đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình và đã được điều chỉnh lồng ghép vào điểm d khoản 9. Dự án quan trọng quốc gia: trên địa bàn tỉnh Cà Mau không có dự án thuộc Dự án quan trọng quốc gia. Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch: cơ quan soạn thảo đã rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế tại tỉnh Cà Mau và lồng ghép vào điểm e.
Điều 4		Tại khoản 1: Đề nghị rà soát, bám sát nội dung quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 để điều chỉnh nội dung cho chặt chẽ, đảm bảo đầy đủ, thống nhất với quy định hiện hành.	Cơ quan soạn thảo đã rà soát, điều chỉnh các nội dung đảm bảo theo quy định.
		Tại điểm a khoản 2: Đề nghị bổ sung cụm từ	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn

		“năm 2025” vào trước cụm từ “do Sở Dân tộc và Tôn giáo” cho đầy đủ.	chỉnh lại dự thảo.
		Tại điểm b khoản 2: Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ TTg quy định tên tiêu chí “Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều” và tiêu chí “số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết)” nhưng tại điểm b khoản này lại quy định là tiêu chí “thu ngân sách” và tiêu chí “tỷ lệ hộ nghèo”, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh nội dung cho chặt chẽ, thống nhất.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo đối với tiêu chí “Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều”. Đối với cấp xã không có số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết) như cấp tỉnh nên cơ quan soạn thảo căn cứ vào tiêu chí thu ngân sách do Thuế tỉnh cung cấp để làm cơ sở tính điểm.
		Tại điểm c khoản 2: Đề nghị rà soát, đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg để quy định cho chặt chẽ, thống nhất, theo đó, <i>“Tiêu chí diện tích bao gồm diện tích đất tự nhiên, đất trồng lúa và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương”</i> , tuy nhiên, dự thảo lại không có quy định đối với tiêu chí “diện tích đất trồng lúa”; đối với nội dung quy định về việc xác định “diện tích đất tự nhiên” tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ TTg quy định <i>“Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2024 Cục Thống kê công bố, trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa của các địa phương được điều chỉnh</i>	Cơ quan dự thảo xin giải trình như sau: tại dự thảo Quyết định không xem xét tiêu chí đất trồng lúa với lý do tiêu chí này đã được xác định để phân bổ từ nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa hằng năm của tỉnh. Tiêu chí diện tích đất tự nhiên: Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó có Nghị quyết số 1688/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025, tên gọi, địa giới, quy mô diện tích và cơ cấu đơn vị hành chính đã có sự thay đổi. Do đó, việc sử dụng diện tích đất tự nhiên theo Nghị quyết số 1688/NQ-UBTVQH15 là phù hợp với hiện trạng đơn vị hành

		<i>theo nguyên tắc cộng số học chỉ tiêu diện tích đất trồng lúa của các địa phương trước điều chỉnh địa giới hành chính”</i> nhưng tại dự thảo quy định “<i>Diện tích đất tự nhiên được xác định theo Nghị quyết số 1688/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội</i>”, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo có nội dung trình bày về vấn đề này; đề nghị bổ sung cụm từ “năm 2025” vào trước cụm từ “do Sở Nông nghiệp và Môi trường” cho rõ.	chính đang được tổ chức và quản lý trên thực tế. Mặt khác, diện tích đất tự nhiên được xác định theo Nghị quyết số 1688/NQ-UBTVQH15 thực chất được hình thành trên cơ sở sắp xếp, hợp nhất các đơn vị hành chính hiện có; về bản chất không làm thay đổi tổng quy mô diện tích tự nhiên của tỉnh mà chỉ xác lập lại phạm vi địa giới và đơn vị hành chính sau sắp xếp. Vì vậy, việc sử dụng số liệu diện tích theo Nghị quyết số 1688/NQ-UBTVQH15 vẫn bảo đảm phù hợp với nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg.
		Tại điểm d khoản 2: Đề nghị rà soát, đối chiếu với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg để nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung cho chặt chẽ, trong đó, lưu ý rà soát trên địa bàn tỉnh có “xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)”, “xã thuộc khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt”, “xã đặc biệt khó khăn vùng III”, “Địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long” hay không, bổ sung cho đầy đủ (nếu có); đề nghị bổ sung trích yếu văn bản của Quyết định số 02354/QĐ UBND cho đầy đủ	Cơ quan dự thảo xin giải trình như sau: trên địa bàn tỉnh Cà Mau không có các xã được phê duyệt là “xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)”, “xã thuộc khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt”, “xã đặc biệt khó khăn vùng III”, “Địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long”.

		Ngoài ra, qua rà soát nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg có 05 tiêu chí để tính điểm phân bổ vốn đầu tư công, nhưng tại dự thảo chỉ có 04 tiêu chí, không có tiêu chí “đơn vị hành chính cấp xã” đề nghị cơ quan thảo có nội dung trình bày về nội dung này. Đồng thời, đối với từng “định mức” để xác định số điểm của từng tiêu chí đề nghị cơ quan soạn thảo có nội dung trình bày rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn để làm cơ sở cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Cơ quan dự thảo xin giải trình như sau: đối với trung ương có xét tiêu chí “đơn vị hành chính cấp xã” để tính điểm chênh lệch giữa các tỉnh trong cả nước. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh Cà Mau chỉ có 64 xã, phường như nhau nên không có cơ sở để tính điểm chênh lệch. - Đối với định mức xác định của từng tiêu chí được tính toán trên cơ sở quy định tại Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg; đồng thời căn cứ theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương để tính toán hỗ trợ các xã, phường đảm bảo hài hòa giữa các xã, phường, rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa xã có số điểm thấp nhất và xã có số điểm cao nhất.
		Tại Khoản 3: Đề nghị xem lại cụm từ “05 nhóm tiêu chí” và cụm từ “đơn vị hành chính cấp xã” để quy định cho thống nhất theo đề nghị nêu trên.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
		Tại khoản 4: Đề nghị có nội dung giải trình rõ cụm từ “75% nguồn ngân sách tập trung” và “giữ lại 10% dự phòng” để làm cơ sở cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Cơ quan dự thảo xin giải trình như sau: “75% nguồn ngân sách tập trung” được lựa chọn xây dựng nhằm đảm bảo nhu cầu đầu tư tối thiểu của xã có số điểm thấp nhất và theo khả năng cân đối ngân sách. Giữ lại 10% dự phòng được cụ thể hóa

			theo điểm b mục 1 phần II Chỉ thị số 16/CT-TTg.
		Bên cạnh đó, đề nghị rà soát điều chỉnh cho thống nhất cụm từ “các xã, phường” và “cấp xã”; cụm từ “Tổng số điểm của từng đơn vị cấp xã”, “Tổng số điểm phân bổ vốn của từng đơn vị cấp xã”, “Tổng số điểm của từng xã, phường”; “số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ”, “số vốn định mức xác định cho 01 điểm phân bổ”.	Cơ quan dự thảo xin tiếp thu và hoàn chỉnh lại dự thảo.
	Ủy ban nhân dân xã Long Điền		
Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và		Về tiêu chí dân số: Đề xuất nghiên cứu, xem xét điều chỉnh theo hướng giảm khoảng cách dân số cho mỗi mức cộng điểm (<i>ví dụ: 2.000 người hoặc 3.000 người tăng thêm được cộng 0,5 điểm</i>) nhằm phản ánh sát hơn nhu cầu đầu tư hạ tầng, dịch vụ công đối với các địa phương có quy mô dân số lớn, tốc độ đô thị hóa và nhu cầu đầu tư tăng nhanh.	Cơ quan dự thảo xin có ý kiến giải trình như sau: đối với tiêu chí dân số, thu ngân sách cơ quan dự thảo đã tính toán theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương để hỗ trợ các xã, phường thực hiện nhằm đảm bảo việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, công khai, minh bạch, tạo sự hài hòa giữa các địa phương (rút ngắn sự chênh lệch giữa xã có số điểm thấp nhất và xã có số điểm cao nhất).
		Về tiêu chí thu ngân sách: Đề xuất xem xét, bổ sung thêm các mức điểm trung gian đối với các địa phương có số thu ngân sách cao hơn nhiều so với mặt bằng chung, nhằm tạo sự phân hóa hợp lý giữa các đơn vị và phản ánh	

định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 cho cấp xã		đúng khả năng đóng góp nguồn thu của địa phương.	
		Về tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: Cần nghiên cứu làm rõ thời điểm xác định tỷ lệ hộ nghèo để áp dụng thống nhất trong toàn tỉnh, tránh phát sinh chênh lệch số liệu giữa các ngành và địa phương.	Cơ quan dự thảo xin có ý kiến giải trình như sau: Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp theo Công văn số 4564/SNNMT-KHTC ngày 29/10/2025.
		Về tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng: Đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế xem xét đối với các xã ven biển, địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, triều cường, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu nhưng không có hoặc có rất ít diện tích rừng phòng hộ. Đây 2 là những địa bàn cần nguồn lực đầu tư lớn cho hạ tầng phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.	Cơ quan dự thảo xin có ý kiến giải trình như sau: hiện nay chưa đủ căn cứ và cơ sở pháp lý để bổ sung cơ chế xem xét đối với các xã ven biển, địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của sạt lở bờ biển, triều cường, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu nhưng không có hoặc có rất ít diện tích rừng phòng hộ do tại Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ chưa quy định đối với tiêu chí này cũng như chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt cụ thể các xã có các tiêu chí như trên.
Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương		Về tiêu chí bổ sung: Dự thảo có tiêu chí bổ sung đối với xã đặc biệt khó khăn. Đề xuất xem xét bổ sung hoặc ưu tiên điểm đối với các địa bàn đặc thù như: Các xã ven biển; các xã có tuyến đê biển, đê sông trọng yếu; các xã có nhu cầu đầu tư lớn về hạ tầng giao thông, thủy	Cơ quan dự thảo xin có ý kiến giải trình như sau: đối với các xã ven biển; các xã có tuyến đê biển, đê sông trọng yếu; các xã có nhu cầu đầu tư lớn về hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản chưa được cấp thẩm

giai đoạn 2026 - 2030 cho cấp xã		lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.	quyền phê duyệt xã có tiêu chí như trên nên chưa đủ cơ sở bổ sung hoặc ưu tiên điểm.
----------------------------------	--	--	--